

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT
ĐINH TIÊN HOÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông Đinh Tiên Hoàng
Năm học: 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	15	1.3 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	15	1.3 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	03	1.5 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	1.8 m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học	01	
8	Bình quân học sinh/lớp	30	1.3 m ² /học sinh
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	2.450m2	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	500m2	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	40m2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	40m2	
3	Diện tích thư viện (m ²)	40m2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	00	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	00	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	Đáp ứng	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
		yêu cầu dạy học	
1.2	Khối lớp 7	Đáp ứng yêu cầu dạy học	
1.3	Khối lớp 8	Đáp ứng yêu cầu dạy học	
1.4	Khối lớp 10	Đáp ứng yêu cầu dạy học	
1.5	Khối lớp 11	Đáp ứng yêu cầu dạy học	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 10		
2.5	Khối lớp 11		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/ thiết bị)	00	
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30	1 học sinh/1 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		1 thiết bị/1 lớp
1	Ti vi	01	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...	01	Màn hình tương tác
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		1 thiết bị/1 lớp
1	Ti vi	01	
2	Cát xét	01	

3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...	01	Màn hình tương tác
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	40m ²
XI	Nhà ăn	180m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	02	100	
XIII	Khu nội trú	03	87	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	02	1Nam/1Nữ		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	



Nguyễn Thị Liên

